

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu dành cho
tổ chức, pháp
nhân

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Tôi tên là :.....

Số CMND/CCCD/HC: cấp ngày:.....

Địa chỉ :.....

Là đại diện pháp luật của công ty hoặc tổ chức:

.....

Mã số cổ đông:.....

Số cổ phần cổ đông hiện sở hữu:.....

(bằng chữ:cổ phần).

Nay tôi ủy quyền cho (các) Ông/Bà có tên dưới đây:

Ông, Bà :.....

Số CMND/CCCD/HC: cấp ngày:.....

Địa chỉ :.....

Số cổ phần được ủy quyền:.....

Được thay mặt tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn tổ chức vào ngày 29 tháng 01 năm 2021 và được biểu quyết với số cổ phần được ủy quyền đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Người được ủy quyền
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Người đại diện pháp nhân
(Ký tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Người được ủy quyền khi dự Đại hội cổ đông phải xuất trình Giấy ủy quyền và CMND/CCCD/HC để Ban tổ chức Đại hội đối chiếu.
- Cổ đông được quyền sử dụng mẫu văn bản ủy quyền khác với mẫu văn bản ủy quyền này. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu dành cho
cá nhân

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Tôi tên là :

Số CMND/CCCD/HC: cấp ngày:.....

Địa chỉ :

Mã số cổ đông :

Số cổ phần hiện sở hữu:

(Bằng chữ :cổ phần).

Nay tôi ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Ông, Bà :.....

Số CMND/CCCD/HC: cấp ngày:.....

Địa chỉ :.....

Số cổ phần được ủy quyền:

Được thay mặt tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn tổ chức vào ngày 29 tháng 01 năm 2021 và được biểu quyết với số cổ phần được ủy quyền đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Người được ủy quyền
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Người được ủy quyền khi dự Đại hội cổ đông phải xuất trình Giấy ủy quyền và CMND/CCCD/HC để Ban tổ chức Đại hội đối chiếu.
- Cổ đông được quyền sử dụng mẫu văn bản ủy quyền khác với mẫu văn bản ủy quyền này. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.



TỜ KHAI Y TẾ

(Áp dụng cho cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29/01/2021)

1. Trong 14 ngày vừa qua, anh / chị có tiếp xúc với:

Người bệnh hoặc nghi ngờ mắc bệnh Covid-19 ☐ Có ☐ Không

Người có biểu hiện: sốt, ho, khó thở, viêm phổi ☐ Có ☐ Không

Nếu trả lời "Có", anh/ chị bổ sung thêm thông tin chi tiết:

.....
.....
.....
.....

2. Anh/ Chị có đi du lịch/ về quê/ đi công tác ngoại tỉnh không?

☐ Có ☐ Không ☐ Khác:.....

3. Anh/ Chị vui lòng cung cấp thêm thông tin chi tiết:

Phương tiện di chuyển

☐ Máy bay ☐ Ô tô ☐ Khác:.....

Số hiệu phương tiện:

.....

Ngày khởi hành:

.....

Ngày đến

.....

Địa điểm khởi hành):

.....

.....

Quá cảnh tại (Nếu có)

.....

.....

Địa điểm nơi đến

.....

.....

4. Anh / Chị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây không?

☐ Sốt (Nhiệt độ > 37.60C) ☐ Tiêu chảy ☐ Khó thở ☐ Đau họng

☐ Ho khan liên tục ☐ Xuất huyết ngoài da

☐ Nổi ban ngoài da ☐ Nôn

5. Thông tin người khai báo

Họ tên:.....

Số điện thoại:.....

Ngày khảo sát:.....

Chân thành cảm ơn sự hợp tác.



CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 (Đại hội)
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Thời gian : 8 giờ 30 thứ Sáu, ngày 29 tháng 01 năm 2021.

Địa điểm : Tầng 1, Tòa nhà IPC, số 1489 Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh.

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
01	8g30 - 9g00	Tiếp đón cổ đông và phát tài liệu	
	9g00 - 9g20	I. Nghi thức	
02		Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, Ban Tổ chức hướng dẫn sử dụng các Phiếu biểu quyết	
03		Báo cáo cổ đông tham dự Đại hội	
04		Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	
05		Thông qua Thể lệ biểu quyết	
06		Giới thiệu nhân sự tham gia Đoàn Chủ tọa	
07		Bầu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội	
		II. Nội dung Đại hội	
	9g20 - 9h35	Thông qua nội dung các tờ trình	
08		Tờ trình về việc thay đổi trụ sở Công ty	
09		Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	
10		Tờ trình về việc báo cáo tình hình nhân sự Ban kiểm soát, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023	

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
11	9g35 - 9g50	Thảo luận, đóng góp ý kiến về các nội dung đã trình bày	
12	9g50 - 10g10	Biểu quyết các tờ trình	
13	10g10 - 10g15	Thông qua Tờ trình về Danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023	
14	10g15 - 10g30	Biểu quyết Tờ trình về Danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023	
15	10g30 – 11g00	Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023	
16	11g00 – 11g05	Thông qua dự thảo Nghị quyết và Biên bản Đại hội	
17	11g05 - 11g10	Tuyên bố bế mạc của Chủ tọa	

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN (ĐẠI HỘI)**

**PHẦN 1: THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
THÔNG QUA CÁC THỦ TỤC TẠI ĐẠI HỘI**

1. Nội dung áp dụng thẻ lệ biểu quyết theo Phiếu biểu quyết chung (Màu Xanh nước biển)

Biểu quyết các nội dung liên quan đến việc thông qua các thủ tục tại Đại hội bao gồm: Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội; Thông qua thẻ lệ biểu quyết; Thông qua Danh sách Đoàn Chủ tọa, Danh sách Đoàn Thư ký, Danh sách Ban Kiểm Phiếu; Thông qua chương trình Đại hội; Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội; Thông qua Biên bản Đại hội.

2. Nguyên tắc biểu quyết và kiểm phiếu

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết chung (Màu Xanh nước biển) trực tiếp tại Đại hội.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Chủ tọa tiến hành kiểm đếm phiếu biểu quyết theo thứ tự sau:

- Phiếu biểu quyết tán thành nội dung biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không tán thành nội dung biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không có ý kiến về nội dung biểu quyết.

Việc biểu quyết được ghi hình công khai, kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố công khai ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu của vấn đề đó và được ghi nhận vào Biên bản cuộc họp.

3. Thẻ thức biểu quyết

3.1. Hình thức phiếu biểu quyết:

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội sẽ được phát một **Phiếu biểu quyết chung** để sử dụng chung cho việc biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết chung được in thống nhất, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn. Trên Phiếu có in các nội dung: Mã số cổ đông; số cổ phần sở hữu; số cổ phần được ủy quyền (nếu có);
- Số phiếu biểu quyết được tính bằng số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc số cổ

phần được đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

3.2. Điều kiện để nội dung được thông qua:

Các nội dung biểu quyết được thông qua tại Đại hội khi được số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành, trừ những nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3.3. Cách thức biểu quyết:

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết chung đối với từng nội dung theo hướng dẫn của Chủ tọa, theo thứ tự:

- Tán thành nội dung biểu quyết;
- Không tán thành nội dung biểu quyết;
- Không có ý kiến về nội dung biểu quyết.

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông giơ Phiếu biểu quyết chung ở hướng dẫn nào thì tính vào tỷ lệ biểu quyết ở mục đó (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) của nội dung biểu quyết.

3.4. Quy định về tính hợp lệ của việc biểu quyết:

a) Biểu quyết hợp lệ khi đủ các điều kiện sau đây:

- Giơ Phiếu biểu quyết chung do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn;
- Chỉ giơ Phiếu một lần cho một nội dung biểu quyết.

b) Biểu quyết không hợp lệ là các trường hợp sau đây:

- Sử dụng Phiếu biểu quyết chung không do Ban tổ chức phát ra; hoặc
- Giơ phiếu quá một lần cho một nội dung biểu quyết.

PHẦN II: THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Nội dung áp dụng thẻ lệ biểu quyết theo Phiếu biểu quyết từng nội dung

Biểu quyết các nội dung tại Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua.

Gồm 02 nội dung chính tương đương 02 Phiếu biểu quyết:

(1) **Phiếu màu vàng:** Tờ trình về việc thay đổi trụ sở Công ty; Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Tờ trình về việc báo cáo tình hình nhân sự BKS, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023.

(2) **Phiếu màu cam:** Tờ trình về việc thông qua Danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

2. Nguyên tắc biểu quyết và kiểm phiếu

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự biểu quyết về từng nội dung bằng cách đánh dấu theo cách thức biểu quyết được quy định tại mục 3.3 của Quy chế này.

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến nội dung. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu lập thành văn bản. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa công bố công khai ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu của vấn đề đó.

3. Thể thức biểu quyết

3.1. Hình thức phiếu biểu quyết:

Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội sẽ được phát các Phiếu biểu quyết để sử dụng cho việc biểu quyết từng nội dung.

Phiếu biểu quyết được in thống nhất, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn. Trên Phiếu biểu quyết đã in sẵn các nội dung: mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền (nếu có);

Số phiếu biểu quyết được tính bằng số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc số cổ phần được đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

3.2. Điều kiện để nội dung được thông qua:

Nội dung biểu quyết được thông qua tại Đại hội khi được số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành, trừ những nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3.3. Cách thức biểu quyết:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự biểu quyết về từng nội dung bằng cách: Đánh dấu (X) vào ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề tại Phiếu biểu quyết.

3.4. Quy định về tính hợp lệ của việc biểu quyết:

a) Biểu quyết hợp lệ khi đủ các điều kiện sau đây:

- Sử dụng Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn.
- Phiếu biểu quyết có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ, tên của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
- Phiếu biểu quyết không tẩy xóa, cạo sửa, viết, vẽ, ký hiệu nội dung khác, trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.



- Đối với từng nội dung biểu quyết, chỉ đánh dấu (X) vào 01 ô biểu quyết (Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến).

b) Biểu quyết không hợp lệ thuộc các trường hợp sau đây:

- Sử dụng Phiếu biểu quyết không do Ban tổ chức phát ra;
- Phiếu biểu quyết không có đầy đủ chữ ký và họ, tên của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
- Tẩy xóa, cạo sửa, viết, vẽ, ký hiệu các nội dung khác vào Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức phát ra;
- Đối với từng nội dung biểu quyết, đánh dấu (X) vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết.

Lưu ý:

** Tính hợp lệ được xét trên từng nội dung biểu quyết. Trường hợp có nội dung biểu quyết hợp lệ, có nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.*

*** Trường hợp cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không đánh dấu X vào bất kỳ ô biểu quyết nào hoặc không bỏ phiếu vào thùng phiếu xem như không tham gia biểu quyết đối với nội dung tương ứng.*

**** Trường hợp cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã đánh dấu biểu quyết nhưng thay đổi ý kiến biểu quyết; hoặc đã đánh sai vào Phiếu biểu quyết thì được quyền liên hệ Ban Tổ chức để đổi phiếu biểu quyết khác trước khi kết thúc việc bỏ phiếu để tiến hành kiểm phiếu.*

PHẦN III: THẺ LỆ BẦU CỬ

BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Nội dung bầu cử:

Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

2. Thẻ thức bầu cử

2.1 Hình thức phiếu bầu cử:

Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại hội sẽ được phát 01 Phiếu bầu cử (Màu hồng);

Phiếu bầu cử được in thống nhất, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn. Trên phiếu bầu đã in sẵn các nội dung: mã số cổ đông; số cổ phần sở hữu/số cổ phần được ủy quyền (nếu có), số phiếu biểu quyết, danh sách ứng viên (được ghi đầy đủ họ tên và được sắp xếp tên theo thứ tự ABC).

2.2 Phương thức bầu cử “Bầu dồn phiếu”

Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020: việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2.3 Quy định về tính hợp lệ của phiếu bầu cử:

a) Phiếu bầu cử hợp lệ khi đủ các điều kiện sau đây:

- Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn;
- Tổng cộng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng viên mà cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bầu chọn bằng hoặc nhỏ hơn tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông.

b) Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu bầu thuộc các trường hợp:

- Phiếu bầu cử không do Ban tổ chức phát ra;
- Phiếu bầu cử bị gạch xóa, sửa chữa, gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên ứng cử viên;
- Phiếu bầu cử có số lượng ứng cử viên được bầu vượt quá số lượng thành viên Ban kiểm soát đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bầu cử;
- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

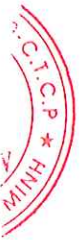
Lưu ý:

*** Trường hợp cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thay đổi ý kiến hoặc đã đánh sai Phiếu bầu cử thì cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền liên hệ Ban Tổ chức để đổi phiếu bầu cử khác trước khi kết thúc việc bỏ phiếu để tiến hành kiểm phiếu bầu cử.

*** Trường hợp cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu xem như cổ đông không tham gia bầu cử.

2.4 Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất



cho đến khi đủ số thành viên Ban kiểm soát theo số lượng đã được Đại hội thông qua.

Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

PHẦN IV: LẬP VÀ CÔNG BỐ BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

1. Toàn bộ quá trình biểu quyết tại Đại hội được ghi hình công khai.

2. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và công bố công khai tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp; tổng số phiếu biểu quyết tham dự bỏ phiếu; tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông đối với từng nội dung; số phiếu biểu quyết và tỉ lệ biểu quyết cho từng ứng cử viên Ban kiểm soát.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 (sau đây gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội

- Cổ đông được quyền tham dự Đại hội là các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông của Công ty vào lúc 8h00 ngày 08/01/2021.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- Được nhận tài liệu họp, Phiếu biểu quyết chung, Phiếu biểu quyết các nội dung, Phiếu bầu cử có ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình.
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức tham gia Đại hội phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty.
- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Được thảo luận và biểu quyết các nội dung của Đại hội.
- Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo thư mời, giấy tờ pháp lý như: chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), giấy uỷ quyền (trong trường hợp được ủy quyền) và hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.
- Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội, không gây rối hoặc mất trật tự trong Đại hội. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi có nhu cầu phát biểu cần đăng ký theo mẫu phiếu đăng ký phát biểu và gửi về cho Ban Tổ chức trong thời gian diễn ra Đại hội. Khi được mời phát biểu, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải nêu rõ họ tên, địa chỉ, mã số cổ đông; sau đó, trình bày vấn đề cần phát biểu một cách ngắn gọn, tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua.
- Nghiêm túc chấp hành nội quy của Đại hội và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- 5.1. Ban tổ chức có nghĩa vụ đón tiếp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp, phát các tài liệu, phiếu biểu quyết và hướng dẫn chỗ ngồi cho các cổ đông.
- 5.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tọa

- 6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa của Đại hội. Thành viên Đoàn Chủ tọa do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội thông qua.
- 6.2. Đoàn Chủ tọa có quyền tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua hợp lệ và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

- 6.3. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh theo hướng dẫn của Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Chủ tọa có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông nêu trên ra khỏi Đại hội.
- 6.4. Đoàn Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 6.5. Quyết định của Đoàn Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội là các quyết định cuối cùng và bắt buộc áp dụng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký

- 7.1. Ban Thư ký do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 7.2. Ban Thư ký có nhiệm vụ ghi chép Biên bản Đại hội một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông thảo luận và thông qua tại Đại hội; dự thảo và trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 8.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 8.2. Ban Kiểm phiếu có quyền và nghĩa vụ:
- Hướng dẫn cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông cách sử dụng Phiếu biểu quyết chung, Phiếu biểu quyết từng nội dung, Phiếu bầu cử.
 - Thu Phiếu biểu quyết sau khi Đại hội biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.
 - Tổng hợp kết quả biểu quyết và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
 - Chịu trách nhiệm trước Đại hội về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được tiến hành khi có số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ được tổ chức và hoàn thành trong ngày khai mạc. Đại hội sẽ thông qua chương trình Đại hội và lần lượt thảo luận, thông qua các nội dung của Đại hội.

Điều 11. Thông qua các nội dung của Đại hội

Các nội dung của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành, trừ những nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 12.1 Nội dung cuộc họp được Ban Thư ký Đại hội lập thành biên bản, được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 12.2 Biên bản họp phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 12.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản Đại hội phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội. Biên bản Đại hội được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội.
- 12.4 Biên bản Đại hội, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông không thành

- 13.1. Trường hợp không có đủ số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cần thiết theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, Đại hội phải hoãn phiên họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba

mười (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- 13.2. Trường hợp không có đủ số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cần thiết tại phiên họp tổ chức lần hai, Đại hội phải hoãn phiên họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Đại hội được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các nội dung thuộc chương trình đại hội đã gửi tới các cổ đông trong phiên họp triệu tập những lần trước đó.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

- 14.1. Quy chế này gồm 5 chương 14 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 14.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các thành viên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.



THÔNG BÁO

V/v đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/05/2020,

Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 về việc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Hội đồng quản trị xin thông báo tới toàn thể Quý cổ đông về việc ứng cử, đề cử vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 như sau:

A. ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

I. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020.
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

II. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát bầu bổ sung: 03 (ba) thành viên.

B. HỒ SƠ THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ CỦA CỔ ĐÔNG:

- Đơn đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát (theo mẫu): 01 (một) bản;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan đang công tác hoặc chính quyền địa phương: 01 (một) bản;

- Bản sao có công chứng: CMND, hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn: 01 (một) bộ.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định gửi văn bản đề cử, ứng cử trên về Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn trước **16h00 ngày 25/01/2021** để hoàn thiện thủ tục theo quy định.

Tài liệu liên quan đến việc đề cử, ứng cử Quý cổ đông có thể truy cập trang thông tin điện tử: www.sadeco.com.vn.

Hồ sơ xin gửi theo địa chỉ:

Văn phòng Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà IPC, số 1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 36.369.416 – 0902.622.937 (Cô Hoa – chuyên viên văn phòng HĐQT – BKS);

Fax: (028) 37.760.698;

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP HĐQT, Hoa (2) ;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Trí



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN NHIỆM KỲ 2018 – 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Tên cổ đông:.....
Mã số cổ đông:.....
CMND/CCCD/HC số:.....Ngày cấp:.....
Địa chỉ:.....
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần
(Bằng chữ:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):
Chiếm: % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn.

Sau khi nghiên cứu quy định về việc tham gia đề cử - ứng cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn, tôi hoàn toàn đáp ứng các điều kiện quy định.

Tôi xin ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn nhiệm kỳ 2018 – 2023 trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 tổ chức vào ngày 29/01/2021.

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*** Ghi chú:**

Hồ sơ kèm theo: Sơ yếu lý lịch; CMND/CCCD/HC và bằng cấp có liên quan của người ứng cử, được đề cử theo đơn này.

Đơn này được gửi đến Văn phòng HĐQT – BKS trước **16g00 ngày 25/01/2021**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021

Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Tên cổ đông:

Giấy CNĐKDN:Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Mã số cổ đông:

Người đại diện theo pháp luật:

CMND/CCCD/HC số:.....Ngày cấp:.....

Số cổ phần đang sở hữu:

(Bằng chữ:..... cổ phần).

Chiếm:% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn.

Sau khi nghiên cứu quy định về việc tham gia đề cử - ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Cổ đông đề cử:

1. Ông/Bà

2. Ông/Bà

3. Ông/Bà

.....

tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn nhiệm kỳ 2018 – 2023 trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021, tổ chức vào ngày 29/01/2021.

Trân trọng.

....., ngày tháng năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*** Ghi chú:**

Hồ sơ kèm theo: Sơ yếu lý lịch; CMND/CCCD/HC và bằng cấp có liên quan của người ứng cử, được đề cử theo đơn này.

Đơn này được gửi đến Văn phòng HĐQT – BKS trước 16g00 ngày 25/01/2021



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021

Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Tên cổ đông:.....

Mã số cổ đông:.....

CMND/CCCD/HC/ĐKKD số:.....Ngày cấp:

Địa chỉ:.....

Là đại diện nhóm cổ đông theo Danh sách cổ đông tham gia đề cử gửi Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty cổ phần phát triển Nam Sài Gòn, nhóm cổ đông hiện sở hữu cổ phần của Công ty.

(Bằng chữ: cổ phần).

Chiếm: % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn.

Sau khi nghiên cứu quy định về việc tham gia đề cử - ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn nhiệm kỳ 2018 – 2023, nhóm cổ đông do tôi làm đại diện hoàn toàn đáp ứng các điều kiện quy định.

Tôi xin đề cử:

1. Ông/Bà
2. Ông/Bà
3. Ông/Bà

....

tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn nhiệm kỳ 2018 – 2023 trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019, tổ chức vào ngày 29/01/2021.

Trân trọng.

....., ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*** Ghi chú:**

Hồ sơ kèm theo: Sơ yếu lý lịch; CMND/CCCD/HC và bằng cấp có liên quan của người ứng cử, được đề cử theo đơn này.

Đơn này được gửi đến Văn phòng HĐQT – BKS trước **16g00 ngày 25/01/2021**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

DANH SÁCH

**NHÓM CỔ ĐÔNG THAM GIA ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BỔ SUNG
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN NHIỆM KỲ 2018 – 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021

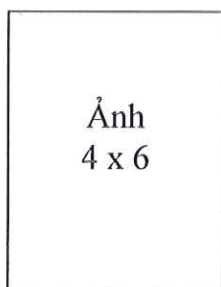
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

STT	Tên cổ đông	Mã số cổ đông	Số CMND/ĐKKD ngày, nơi cấp	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu	Ký Và ghi rõ họ tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
...						
Tổng						

*** Ghi chú:**

Hồ sơ kèm theo: Sơ yếu lý lịch; CMND/CCCD/HC và bằng cấp có liên quan của người ứng cử, được đề cử theo đơn này.

Đơn này được gửi đến Văn phòng HĐQT – BKS trước **16g00 ngày 25/01/2021**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn)*

1. Họ và tên : Giới tính:
Bí danh (nếu có) :
2. Ngày tháng năm sinh :
3. Nơi sinh :
4. Số CMND : cấp ngày nơi cấp
5. Quốc tịch :
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :
7. Chỗ ở hiện tại :
8. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên) :
9. Điện thoại liên lạc : Fax :
Email :
10. Trình độ văn hóa :
11. Trình độ chuyên môn :
12. Nghề nghiệp :
13. Chức vụ hiện nay :
14. Chức vụ tại các tổ chức khác (nếu có) :
15. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn (có thể sử dụng file đính kèm) :

Thời gian	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp

16. Quá trình công tác (chi tiết về nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua).

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

Xác nhận của cơ quan

Người khai
(ký, ghi rõ họ tên)



**DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
NĂM 2021**



1. Tờ trình về việc thay đổi trụ sở của Công ty.
2. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
3. Tờ trình về việc báo cáo tình hình nhân sự Ban kiểm soát, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.
4. Tờ trình về việc thông qua danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023. (Cổ đông sẽ nhận tại Đại hội)
5. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

Số: 004/TTr.21-SDC/DHDCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thay đổi trụ sở Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22/05/2020 (Điều lệ Công ty);
- Căn cứ Hợp đồng thuê văn phòng và Phụ lục kèm theo ký ngày 01/02/2019 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận (sau đây gọi là Hợp đồng thuê văn phòng);
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty,

Hợp đồng thuê văn phòng tại Tầng 15 và 16 Tòa nhà IPC tại địa chỉ Số 1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ hết hạn vào ngày 31/01/2021. Hiện nay, các căn nhà Số 21, 23 Đường số 2 và Số 1 Đường số 5, Khu nhà ở Sông Ông Lớn, Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty chưa được sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các căn nhà nói trên đã từng được sử dụng làm văn phòng làm việc của Công ty trong giai đoạn 2007 – 2018 và hiện cơ bản đảm bảo công năng làm trụ sở cũng như phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

Để sử dụng hiệu quả tài sản, tiết kiệm chi phí thuê văn phòng, thực hiện đúng các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thay đổi trụ sở, đảm bảo sự hoạt động liên tục của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận các nội dung như sau:

1. Thay đổi trụ sở Công ty từ địa chỉ Số 1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đến địa chỉ Số 1 Đường số 5, Khu nhà ở Sông Ông Lớn, Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty theo địa chỉ trụ sở Công ty tại Mục 1.

3. Giao Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thay đổi trụ sở Công ty với các cơ quan có thẩm quyền.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP.HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Trí

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2019 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp 2020);
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 (sau đây gọi là Điều lệ hiện hành);
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty,

Hiện nay, Điều lệ hiện hành của Công ty được xây dựng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (sau đây gọi là Luật Doanh nghiệp 2014). Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2014 chính thức hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Luật Doanh nghiệp 2020.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát toàn văn Điều lệ hiện hành. Qua quá trình thực hiện công tác nêu trên, Hội đồng quản trị nhận thấy Điều lệ tồn tại một số nội dung không còn phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020. Do đó, để đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành Công ty tuân thủ theo các quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, hướng đến các chuẩn mực quản trị được áp dụng cho công ty đại chúng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ là cần thiết.

Trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, các quy định pháp luật khác có liên quan và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các quy định tại Điều lệ hiện hành. Nội dung chi tiết theo thuyết minh và dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, VP.HĐQT, Hoa (2)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Trí

TỜ TRÌNH

V/v báo cáo tình hình nhân sự Ban kiểm soát, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/05/2020;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐBT-NSG.19 ngày 25/07/2019 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019,

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình nhân sự của Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

Ngày 25/07/2019, ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 đã thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023 là 04 thành viên.

Ngày 20/10/2020, ông Nguyễn Mậu Hoàng – Thành viên BKS có đơn gửi ĐHĐCĐ và HĐQT xin từ nhiệm thành viên BKS kể từ ngày 30/10/2020 vì lý do cá nhân (Công ty nhận được đơn ngày 17/11/2020).

Ông Trần Mạnh Khôi – Trưởng BKS và bà Đoàn Minh Lý – Thành viên BKS không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS theo Thông báo số 14150/PC03-Đ8 và Thông báo số 14148/PC03-Đ8 ngày 20/11/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP. Hồ Chí Minh.

Do đó, BKS SADECO nhiệm kỳ 2018 - 2023 hiện nay thực tế chỉ còn 01 thành viên. HĐQT kính báo cáo ĐHĐCĐ tình hình nhân sự BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023 như trên và kính trình ĐHĐCĐ xem xét và miễn nhiệm thành viên BKS đối với các ông, bà có tên sau:

1. Ông Trần Mạnh Khôi
2. Bà Đoàn Minh Lý
3. Ông Nguyễn Mậu Hoàng

Đồng thời, để đảm bảo số lượng thành viên BKS phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐBT-NSG.19 ngày 25/07/2019, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và chấp thuận bầu bổ sung 03 thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023 để thay thế các thành viên được đề xuất miễn nhiệm nêu trên.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Trí



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN**
Số: 001/NQ.21-SDC/DHDCD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông bất thường
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/5/2020;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn tổ chức ngày 29/01/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc thay đổi trụ sở Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn (theo Tờ trình số/TTr.21-SDC/DHDCD ngày/01/2021), với tỷ lệ biểu quyết tán thành

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn (theo Tờ trình số/TTr.21-SDC/DHDCD ngày/01/2021), với tỷ lệ biểu quyết tán thành

Điều 3. Thông qua miễn nhiệm 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 gồm:

- Ông Trần Mạnh Khôi
- Bà Đoàn Minh Lý
- Ông Nguyễn Mậu Hoàng

Và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 (theo Tờ trình số/TTr.21-SDC/DHDCD ngày/01/2021).

Điều 4. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, với tỷ lệ biểu quyết tán thành

Điều 5. Thông qua kết quả bầu bổ sung 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Ông: Đạt tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Ông: Đạt tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Ông: Đạt tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6. Nghị quyết này đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban của Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Website;
- Lưu VP.HĐQT, Hoa (2)

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Minh Trí



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN**

SỐ: .../NQ.21-SDC/DHDCD

DU THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/5/2020 (Điều lệ Công ty);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.../.../2021 về việc thay đổi trụ sở Công ty,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty từ 1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đến địa chỉ số 1 đường số 5, Khu nhà ở Sông Ông Lớn, Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2: Sửa đổi Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty theo nội dung địa chỉ trụ sở được thông qua tại Điều 1.

Điều 3: Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục có liên đến việc thay đổi trụ sở Công ty với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4: Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, các cổ đông Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Website;
- Lưu VP.HĐQT, Hoa (2)

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Minh Trí

Ghi chú: Dự thảo Nghị quyết này dùng để đăng ký thay đổi trụ sở tại Sở Kế hoạch và Đầu Tư TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN

SADECO

DỰ THẢO

Tháng 01 năm 2021



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	3
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	3
Điều 6. Cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác	4
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông.....	5
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	5
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	5
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 10. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	6
Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông	6
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	7
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 14. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông...	12
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Thông qua Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	29
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 30. Người quản lý và người điều hành	29
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	29
Điều 32. Thư ký Công ty	31
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 34. Ban kiểm soát	33
Điều 35. Trách nhiệm căn trọng	34
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
CHƯƠNG XI. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 38. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ	36
CHƯƠNG XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 39. Người lao động và công đoàn.....	37
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 40. Phân phối lợi nhuận	37
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	38
Điều 41. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 42. Năm tài chính.....	38
Điều 43. Chế độ kế toán	38

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	39
Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	39
Điều 45. Báo cáo thường niên	39
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 46. Kiểm toán.....	39
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	40
Điều 47. Con dấu.....	40
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	40
Điều 48. Chấm dứt hoạt động.....	40
Điều 49. Thanh lý	40
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	41
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 52. Ngày hiệu lực.....	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Công ty) tổ chức vào ngày ... thángnăm 2021.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - 1.2. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - 1.3. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - 1.4. “Người quản lý” bao gồm:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.5. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những vị trí điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm tại từng thời điểm;
 - 1.6. “Ban Tổng giám đốc” gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc;
 - 1.7. “Người có quan hệ gia đình” là cá nhân được quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - 1.8. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - 1.9. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - 1.10. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN**
- Tên tiếng Anh : **SOUTH SAIGON DEVELOPMENT CORPORATION**
- Tên viết tắt : **SADECO**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở của Công ty đặt tại:

- Địa chỉ : Số 1 Đường số 5, Khu nhà ở Sông Ông Lớn, Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : (84.28) 36369416
- Fax : (84.28) 37760698
- E-mail : contact@sadeco.com.vn
- Website : www.sadeco.com.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh bất động sản; Phát triển kinh doanh nhà); Xây dựng nhà các loại (Xây dựng dân dụng); Chuẩn bị mặt bằng (San lấp mặt bằng; Nạo vét luồng lạch); Hoạt động tư vấn quản lý (Tư vấn xây dựng trừ tư vấn thiết

kế công trình, tư vấn lập dự án đầu tư); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Đại lý kinh doanh xăng dầu); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn – không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Dịch vụ cung cấp giống cây trồng; Trồng cây xanh công nông nghiệp, trồng rừng); Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất – không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất); Cơ sở lưu trú khác (Nhà ở lưu trú cho công nhân).

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thông báo và được Cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng tải trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp www.dangkykinhdoanh.gov.vn.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Tiếp tục khẳng định là nhà đầu tư tiên phong trên địa bàn Khu Nam Thành phố Hồ Chí Minh ("Khu Nam"), trở thành một trong những công ty bất động sản hàng đầu trên địa bàn Khu Nam. Huy động và sử dụng có hiệu quả đồng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận của các cổ đông, tạo việc làm cho người lao động và đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 260.000.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 26.000.000 cổ phần (Hai mươi sáu triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của cổ đông sáng lập; số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại của cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục số 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được xử lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thông báo cho cổ đông trình tự, thủ tục cấp lại cổ phiếu và hướng dẫn cổ đông thực hiện. Cổ đông cam kết chịu trách nhiệm về các tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có).

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này và ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
4. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu và đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 8 Điều lệ này.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Điều 10. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức**

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân, được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền cho tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
6. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ chấm dứt đại diện khi cổ đông đó gửi văn bản thông báo cho Công ty hoặc cổ đông đó bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty.

Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - 2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - 2.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - 2.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

- 2.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - 2.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 2.9. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- 3.1. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - 3.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
 - 3.3. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - 3.4. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.5. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - 3.6. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây, trừ trường hợp theo chỉ định, ủy quyền, phân công của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này:
 - 7.1. Vi phạm pháp luật;
 - 7.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 7.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 2.2. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - 2.3. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - 2.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 2.5. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 2.6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - 2.7. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 2.8. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - 2.9. Giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- 2.10. Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông Công ty;
 - 2.11. Quyết định đầu tư; mua sắm, xây mới, cải tạo mở rộng tài sản cố định, huy động vốn, chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc cho thuê, thế chấp, cầm cố, bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - 2.12. Quyết định việc mua lại số cổ phần đã bán đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - 2.13. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 2.14. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - 2.15. Quyết định việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng giám đốc;
 - 2.16. Chấp thuận việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - 2.17. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - 3.1. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - 3.2. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - 3.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - 3.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - 3.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - 3.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - 3.7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - 4.1. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm 2.11, Điểm 2.16 Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;
 - 4.2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều 13 Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Đại diện Công ty kiểm toán độc lập có thể được mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 3.2. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật.
 - 3.3. Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất về việc xác định số thành viên cụ thể của Hội đồng quản trị. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - 3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- 3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng người quản lý hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- 3.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- 4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp theo quy định tại Điểm 3.2 Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm 3.4 và Điểm 3.5 Khoản 3 Điều này;
- 4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.1 Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- 4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.2 Khoản này thì cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - 2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và (các) cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền;
 - 2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và (các) cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền;

2.3. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và (các) cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.

Cá nhân, tổ chức được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

4.2. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

4.3. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

2.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

2.3. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

2.4. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

2.5. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

2.6. Xác định thời gian và địa điểm họp;

- 2.7. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- 2.8. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
4. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; trong trường hợp xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - 5.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - 5.2. Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên (nếu có) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 5.3. Phiếu biểu quyết;
 - 5.4. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
7. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 6 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối nếu đề xuất thuộc một trong các trường hợp sau:
 - 7.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 6 Điều này;
 - 7.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - 7.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - 7.4. Kiến nghị không phù hợp với các quy định của pháp luật.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp; đại hội được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - 2.1. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

- 2.1.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- 2.2. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- 2.3. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua một hình thức biểu quyết khác tại cuộc họp, hình thức tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông như sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
7. Chủ tọa của đại hội có quyền tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp để:

- 9.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- 9.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- 9.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - 10.1. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - 10.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Công ty xây dựng Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trình Đại hội đồng cổ đông qua trước khi áp dụng.

Điều 19. Thông qua Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - 1.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - 1.2. Định hướng phát triển công ty;
 - 1.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 1.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 1.6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - 1.7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trường hợp quy định tại các Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - 3.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 3.2. Thay đổi vốn điều lệ của Công ty;
 - 3.3. Việc mua lại số cổ phần đã bán đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 3.4. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 3.5. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - 3.6. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 3.7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập và thông qua các nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Điều lệ này.
2. Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - 4.2. Mục đích lấy ý kiến;
 - 4.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - 4.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - 4.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - 4.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 4.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến Công ty không nhận được tại thời điểm kiểm phiếu được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- 6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh Công ty;
- 6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- 6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và số phiếu Công ty không nhận được tại thời điểm kiểm phiếu, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 6.5. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- 6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu; trong trường hợp đó, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được xem như các cổ đông đã nhận được sau khi được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và bao gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
2. Biên bản họp phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - 1.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 19 Điều lệ này.
 - 1.2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.
4. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty đó; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) thành viên và nhiều nhất là mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - 4.1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- 4.2. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- 4.3. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty;
- 4.4. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó có văn bản yêu cầu miễn nhiệm;
- 4.5. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.
7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán (nếu có).
8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - 2.2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý khác, người điều hành khác của Công ty;
 - 2.4. Quyết định cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý nội bộ của Công ty hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác quyết định;
 - 2.5. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

- 2.6. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý và người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý và người điều hành đó;
- 2.7. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 2.8. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- 2.9. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- 2.10. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 2.11. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- 2.12. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 2.13. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- 2.14. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác và quyết định mức thù lao và lợi ích của những người đó;
- 2.15. Thành lập các công ty con, chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 2.16. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- 2.17. Quyết định việc thực hiện, sửa đổi, hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
- 2.18. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- 2.19. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- 2.20. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- 2.21. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 2.22. Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn 12 tháng;
- 2.23. Quyết định mức giá mua lại cổ phần của Công ty;
- 2.24. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

- 2.25. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, người quản lý khác và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 26. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty (nếu có). Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.3. Tổ chức việc thông qua và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.5. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế của Công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bãi miễn.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - 3.1. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - 3.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - 3.3. Ban kiểm soát.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số (1/2) thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - 10.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 10.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - 10.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- 10.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Biểu quyết
- 12.1. Trừ quy định tại Điểm 12.2 Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- 12.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- q2.3. Theo quy định tại Điểm 12.4 Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- 12.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm 5.1 và Điểm 5.2 Khoản 5 Điều 36 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc ủy quyền tán thành. Trường hợp số phiếu tán

thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

15.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

15.2. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

16. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Quy chế quản trị nội bộ của Công ty quy định cụ thể trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp.
17. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.
18. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

19. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và các quy định khác tại Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Người quản lý và người điều hành

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người quản lý khác và người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định từng thời điểm. Người quản lý khác và người điều hành khác phải có trách nhiệm mẫn cán để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký kết hợp đồng trong đó quy định tiền lương, thù lao và lợi ích khác. Thông tin về tiền lương, thù lao, lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty (nếu có).
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- 4.1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 4.2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - 4.3. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - 4.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - 4.5. Kiến nghị số lượng và chức danh người điều hành khác để Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng và kiến nghị để Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thù lao, lợi ích khác và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của người điều hành khác;
 - 4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - 4.7. Quyết định tiền lương và lợi ích khác của người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - 4.8. Tuyển dụng lao động;
 - 4.9. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - 4.10. Chuẩn bị các bảng dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bảng dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - 4.11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc ký với Công ty và pháp luật.
5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
 6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty như sau:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
5. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT**Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:
 - 2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - 2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - 2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác của Công ty;
 - 2.4. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - 2.5. Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có thể làm việc chuyên trách tại Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - 3.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- 3.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- 3.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - 6.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - 6.2. Có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - 6.3. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Ban kiểm soát đó đã bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty;
 - 6.4. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Ban kiểm soát đó có văn bản yêu cầu miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát;
 - 6.5. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;
7. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - 7.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 7.2. Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 7.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - 7.4. Bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 1.1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - 1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - 1.3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn thảo luận;
 - 1.4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người quản lý Công ty;
 - 1.5. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - 1.6. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của người quản lý;
 - 1.7. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác; sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - 1.8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - 1.9. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 1.10. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Các tài liệu và thông tin được quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật Doanh nghiệp phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý, người điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và các thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp.

**CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC,
NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người bộ quản lý khác, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành

khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- 5.1. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Kiểm soát viên, người quản lý, người điều hành khác được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- 5.2. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Kiểm soát viên, người quản lý, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- 5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân

thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - 3.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 4 Điều 33 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua đại diện được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**Điều 39. Người lao động và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động, người quản lý khác và người điều hành khác.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**Điều 40. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - 1.1. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - 1.2. Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - 1.3. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này.

- Việc thanh toán cổ tức có thể được thực hiện tại Công ty hoặc thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức.
 8. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận hàng năm.
 9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 43. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo quy định hiện hành.
4. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty những thông tin sau đây:
 - 4.1. Điều lệ Công ty;
 - 4.2. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc;
 - 4.3. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 4.4. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 45. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Đại diện công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát

biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.2 Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - 1.3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - 1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 49. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1. Các chi phí thanh lý;

- 3.2. Tiền lương, trợ cấp thôi việc/mất việc làm, bảo hiểm xã hội bắt buộc và các quyền lợi khác cho công nhân viên theo thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và hợp đồng lao động đã ký kết;
- 3.3. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- 3.4. Các khoản vay (nếu có);
- 3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;
- 3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.5) trên đây được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - 1.1. Cổ đông với Công ty;
 - 1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người quản lý khác hay người điều hành của Công ty.

Các bên liên quan ưu tiên giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi một (21) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên thống nhất thỏa thuận chọn một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân làm trung gian hòa giải, giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định

mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 52 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đây.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Trí

Phụ lục số 01

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NAM SÀI GÒN

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quốc tịch	CMND (hộ chiếu)		Địa chỉ thường trú
				Số	Ngày, nơi cấp	
01	Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận					260 Trần Phú, phường 2, quận 5, Tp.HCM
02	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Xây dựng Tân Thuận					325 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7
03	Văn phòng Thành Ủy					127 Trương Định, phường 7, Quận 3
04	Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Phú					53 -55 -57 -59 Bình Phú, phường 10, quận 6
05	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV					23 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1
06	Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ					15–17 Nguyễn Thị Diệu, phường 6, quận 3
07	Công ty Xây dựng Thương mại Sài Gòn 5					2A Lý Thường Kiệt, phường 12, quận 5
08	Lực Lượng Thanh Niên Xung Phong					8A đường Hàm Tử, phường 1, quận 5
09	Công ty Dịch vụ Sài Gòn COOP					199-205 Nguyễn Thái Học P.Phạm Ngũ Lão, Q.1
10	Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh					01 Phạm Ngọc Thạch, Quận 1
11	Công ty cổ phần địa ốc Tân Bình					205 Lý Thường Kiệt, quận Tân Bình.
12	Ông Lê Chí	1946	Việt Nam	020143912	02/4/2003 tại TP.HCM	139/KA214 Lý Chính Thắng, quận 3.
13	Ông Phan Chánh Dưỡng	1948	Việt Nam	020251168	18/7/1994 tại TP.HCM	43 Trần Hưng Đạo, phường 6, quận 5.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
NAM SÀI GÒN**

THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

I. Từ ngữ viết tắt và ghi chú

I.1. Từ ngữ viết tắt

- Luật doanh nghiệp: LDN.
- Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn: SADECO/Công ty.
- Đại hội đồng Cổ đông: ĐHĐCĐ.
- Hội đồng quản trị: HĐQT.
- Ban kiểm soát: BKS.
- Tổng giám đốc: TGD.

I.2. Ghi chú

- Các chữ có dấu gạch ngang dưới là nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi;
- Các chữ in nghiêng là nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung;
- Các chữ gạch ngang giữa là nội dung bãi bỏ.

II. Tóm tắt các nội dung và định hướng sửa đổi, bổ sung

- Trên cơ sở những nội dung thay đổi của LDN 2020 so với LDN 2014, Điều lệ được sửa đổi, bổ sung tại những điều khoản mà LDN 2020 thay đổi hoàn toàn về nội dung, tính chất của quy định (Ví dụ: Tỷ lệ thông qua nghị quyết đại hội đồng cổ đông, quy định về tiêu chuẩn của kiểm soát viên, v.v..). Tại những điều khoản mà LDN 2020 có thay đổi về mặt câu từ nhưng nhằm mục đích làm rõ quy định hoặc loại bỏ sự lặp lại của quy định đó so với LDN 2014 thì những điều khoản tương ứng tại Điều lệ được giữ nguyên.
- Bổ sung những điều khoản là yêu cầu thực tế phát sinh của Công ty (quy định về Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, số lượng người được ủy của cổ đông là tổ chức v.v...).

III. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Tại các quy định có dẫn chiếu đến một số điều, khoản, điểm của LDN 2014 hoặc chính các điều, khoản, điểm của Điều lệ thì các điều, khoản, điểm đó sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và không thể hiện ở phần thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây.

Nội dung	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
	Phần mở đầu Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Công ty) tổ chức chính thức vào ngày 22 tháng 05 năm 2020.	Phần mở đầu Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn (sau đây gọi tắt là Công ty) tổ chức chính thức vào ngày ... thángnăm 2021.	Điều chỉnh thông tin căn cứ.
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ		
1.1.	1.2. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	1.2. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);	Điều chỉnh thông tin và bổ sung cụm từ “và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)” để đảm bảo đầy đủ.
1.2.	1.5. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và	Sửa đổi điểm 1.5 khoản 1:	Điều chỉnh cụm từ “phê chuẩn” thành cụm từ “bổ nhiệm”, đảm bảo thống nhất với quy

Thuyết minh Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn sửa đổi, bổ sung

	những vị trí điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị <u>phê chuẩn</u> tại từng thời điểm	1.5. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những vị trí điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm tại từng thời điểm.	định về trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành; và đồng thời thống nhất với tất cả các dự thảo Quy chế Quản trị, Quy chế Tài chính, Quy chế về chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng v.v..đã điều chỉnh.
1.3.	Chưa có quy định	Bổ sung điểm 1.7 Điều 1: 1.7. “Người có quan hệ gia đình” là cá nhân được quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	LDN 2020 đã bổ sung một số đối tượng thành người có quan hệ gia đình với người quản lý, người điều hành, cổ đông lớn, gồm: bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con rể, con dâu; và quy định về khái niệm “người có quan hệ gia đình”. Do đó, đề xuất bổ sung khái niệm này vào Điều lệ nhằm đảm bảo có cách hiểu thống nhất với LDN 2020, đồng thời, giảm sự liệt kê chi tiết các đối tượng nêu trên tại các điều khoản của Điều lệ.
2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty		
2.1.	2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.	Bổ sung khoản 2: 2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.	Bổ sung cụm từ (cách diễn đạt)
2.2.	3.Trụ sở của Công ty đặt tại:	Sửa đổi khoản 3:	Sửa đổi địa chỉ trụ sở chính theo kế hoạch

	- Địa chỉ: <u>1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM.</u> - Điện thoại: (84.28) 36369416 - Fax: (84.28) 37760698 - E-mail: contact@sadeco.com.vn - Website: www.sadeco.com.vn	3. Trụ sở của Công ty đặt tại: - Địa chỉ: <i>Số 1 Đường số 5 Khu nhà ở Sông Ông Lớn, Nguyễn Văn Linh, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.</i> - Điện thoại : (84.28) 36369416 - Fax : (84.28) 37760698 - E-mail : contact@sadeco.com.vn - Website : www.sadeco.com.vn	chuyển trụ sở về Khu nhà ở Sông Ông Lớn.
2.3.	4. Chi nhánh Công ty:- Địa chỉ: Số 1 Đường số 5 và số 21 + 23 Đường số 2 Khu nhà ở Sông Ông Lớn, Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.	<i>Bãi bỏ</i>	Công ty đã thực hiện thủ tục chấm dứt chi nhánh tại Khu nhà ở Sông Ông Lớn vào tháng 7/2020. Công ty đã thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh.
3	Điều 6. Cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác		
3.1.	2. <u>Cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</u>	<i>Điều chỉnh Khoản 2:</i> <i>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 LDN 2020.

3.2.	4. Trường hợp cổ phiếu <u>bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng</u> dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thông báo cho cổ đông trình tự, thủ tục cấp lại cổ phiếu và hướng dẫn cổ đông thực hiện.	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: 4. Trường hợp cổ phiếu <i>bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại</i> dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm thông báo cho cổ đông trình tự, thủ tục cấp lại cổ phiếu và hướng dẫn cổ đông thực hiện. <i>Cổ đông cam kết chịu trách nhiệm về các tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</i>	Điều 121 LDN 2020 đã bãi bỏ yêu cầu đối với cổ đông về việc phải thực hiện thủ tục đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng trong vòng 15 ngày thì mới được Công ty cấp lại cổ phiếu, điều này làm giảm thiểu thời gian phải thực hiện các thủ tục liên quan cho cổ đông. Tuy nhiên, thay vào đó, LDN 2020 yêu cầu cổ đông phải cam kết chịu trách nhiệm về các tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Do đó, điều khoản này đã được bãi bỏ nội dung về thời hạn đăng thông báo và bổ sung quy định “<i>Cổ đông cam kết chịu trách nhiệm về các tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới</i>”.
4	Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông		
4.1.	1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.	Bổ sung nội dung khoản 1 : 1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp <i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i>. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này và ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.	Bổ sung cụm từ “và ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty” theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 122 LDN 2020 nhằm làm rõ nội dung thông tin của sổ đăng ký cổ đông của LDN.

4.2.	2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc <u>Cơ quan lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán</u> . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép <u>nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Cơ quan lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán</u> .	Sửa đổi nội dung khoản 2: 2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc <i>các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông</i> . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép <i>tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông</i> .	- Điều chỉnh về tổ chức được phép lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, theo đó, sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu giữ tại bất kỳ tổ chức nào có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật, không chỉ giới hạn ở Cơ quan lưu ký chứng khoán như quy định của LDN 2014. - Sửa đổi nội dung mà cổ đông được quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép, theo đó, cổ đông chỉ còn quyền thực hiện các hoạt động này đối với tên và địa chỉ của cổ đông (Khoản 3 Điều 122 LDN 2020), không phải tất cả nội dung của sổ đăng ký cổ đông theo quy định của LDN 2014.
4.3.	3. Trường hợp cổ đông có thay đổi <u>địa chỉ thường trú</u> thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.	Sửa đổi khoản 3: 3. Trường hợp cổ đông có thay <i>đổi địa chỉ liên lạc</i> thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 122 LDN 2020; LDN 2020 cũng đã quy định sửa đổi địa chỉ thường trú thành địa chỉ liên lạc, để Công ty thuận tiện trong quá trình gửi văn bản, liên lạc cho cổ đông.
4.4.	Chưa có quy định	Bổ sung khoản 4: 4. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của	Bổ sung thời hạn mà Công ty phải cập nhật việc thay đổi thông tin cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Khoản 5

		<i>cổ đông có liên quan trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu và đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 8 Điều lệ này.</i>	Điều 122 LDN 2020. Tuy nhiên, LDN 2020 quy định: “Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty”, nghĩa là LDN cho phép Điều lệ quy định khoản thời gian để Công ty thực hiện thủ tục này. Do đó, đề xuất thời gian là 05 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu và đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trừ trường hợp cổ đông yêu cầu chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Dự thảo Điều lệ.
5	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần		
5.1.	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng <u>trừ khi Điều lệ này</u> và pháp luật có quy định khác. <u>Cổ phiếu</u> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa đổi khoản 1: 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng <i>trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này</i> và pháp luật có quy định khác. Cổ phần được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ Công ty chỉ được quy định tại Khoản 2 Điều 8, do đó, điều chỉnh cách dẫn chiếu quy định để thuận tiện hơn trong việc áp dụng Điều lệ.
5.2.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận <u>cổ phiếu</u> phát hành để tăng vốn	Bổ sung nội dung khoản 2: 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.

	cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	
5.3.	Chưa có quy định	Bổ sung khoản 3: 3. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần.	Khoản 7 Điều 127 LDN 2020 bổ sung quy định về nghĩa vụ phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Do đó, bổ sung điều khoản này.
6	Bổ sung Điều 10. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức		
	Chưa có quy định	1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân, được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. 2. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền cho tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền. 3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp không xác định phần số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo	- Bổ sung điều khoản quy định về người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quy định tại Điều 14 LDN 2020. - Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 14 LDN 2020: <i>trừ trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền</i>". Căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty, đề xuất số lượng người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy

		ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền. 4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp. 5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp. 6. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ chấm dứt đại diện khi cổ đông đó gửi văn bản thông báo cho Công ty hoặc cổ đông đó bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty.	quyền là 5 người.
Vì bổ sung Điều 10 nêu trên nên các điều tiếp theo được điều chỉnh số thứ tự tăng tương ứng.			
7	Điều 11. Quyền của cổ đông phổ thông		
7.1.	2. Người <u>nắm giữ</u> cổ phần phổ thông có các quyền sau: ... 2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ	Bổ sung nội dung điểm 2.1. Khoản 2: 2. Người <i>sở hữu</i> cổ phần phổ thông có các quyền sau: ... 2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu	Bổ sung các hình thức bỏ phiếu “bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác” để thống nhất với quy định tại Khoản 12 Điều 17 Dự thảo Điều lệ về cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

	quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác . Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	
7.2.	2. Người <u>nắm giữ</u> cổ phần phổ thông có các quyền sau: ... 2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các <u>thông tin liên quan đến cổ đông</u> trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Sửa đổi điểm 2.5 Khoản 2: 2. Người <u>sở hữu</u> cổ phần phổ thông có các quyền sau: ... 2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;	Điều chỉnh theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 115 LDN, Khoản 3 Điều 122 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 7 Dự thảo Điều lệ, theo đó, cổ đông chỉ được quyền tra cứu trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời, LDN 2020 đã bổ sung cụm từ “của mình” để làm rõ việc cổ đông chỉ có quyền yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của chính cổ đông.
7.3.	2.7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty <u>đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông</u> nắm giữ loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	2.7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty <u>đã thanh toán các khoản nợ và thanh toán cho các cổ đông</u> nắm giữ loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	Điều chỉnh cách diễn đạt theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
7.4.	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên	Sửa đổi khoản 3: 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5%	Bãi bỏ quy định về thời gian liên tục nắm giữ cổ phiếu (06 tháng liên tục), vì Khoản 2 Điều 115 LDN 2020 đã loại bỏ quy định về

	từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: 	tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: 	khoản thời gian này - ảnh hưởng đến quyền của cổ đông lớn khi không đạt được yêu cầu về thời gian nắm giữ cổ phiếu. LDN 2020 đã giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu để được xem là cổ đông lớn từ 10% xuống còn 5%, tuy nhiên, Điều lệ hiện hành đã quy định tỷ lệ này là 5%, do đó, các nội dung khác của Điều lệ Công ty không bị ảnh hưởng.
7.5.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: <u>3.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</u>	Sửa đổi điểm 3.2. Khoản 3: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: ... <i>3.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 115 LDN 2020.
7.6.	3.5. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản;	Sửa đổi điểm 3.5. Khoản 3: 3.5. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt	Điều chỉnh theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 115 LDN 2020.

	phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, <u>số Giấy chứng minh nhân dân</u> , <u>thẻ căn cước công dân</u> , <u>Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân</u> ; <u>tên, địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u> ; <u>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	
8	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông		
8.1.	2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung nội dung khoản 2: 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, <i>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</i>	- Bổ sung các hình thức bỏ phiếu “bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác”, đảm bảo thống nhất với quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 11 và Khoản 12 Điều 17 Dự thảo Điều lệ. - Bãi bỏ cụm “Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông” vì: (1) việc ủy quyền của cổ đông cho cá nhân hay tổ chức thuộc quyền của cổ đông đã được quy định tại Điều 11 Dự thảo Điều lệ; (2) quy định này dễ gây nhầm lẫn rằng thành

			viên HĐQT buộc phải nhận ủy quyền cổ đông nếu cổ đông có yêu cầu.
8.2.	<i>Chưa có quy định</i>	Bổ sung khoản 5: 5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 119 LDN 2020, theo đó, vì LDN 2020.
9	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông		
9.1.	2.4. Lựa chọn công ty kiểm toán;	Bãi bỏ	Nội dung này được quy định tại Điểm 2.14 Khoản 2 được bổ sung dưới đây.
9.2.	2.6. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;	Điều chỉnh thành điểm 2.5. và sửa đổi nội dung: 2.5. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại các điểm k, l, m khoản 2 Điều 138 LDN 2020. LDN 2020 nhận định rằng đây là các nội dung quan trọng, có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến quyền và lợi ích của chính các cổ đông. Nên theo thông lệ quản trị công ty tốt, thì cổ đông phải có quyền tham gia thảo luận và quyết định về những vấn đề như: quyết định kiểm toán độc lập, quyết định thù lao và ngân sách hoạt động cho HĐQT, BKS v.v...
9.3.	<i>Chưa có quy định</i>	Bổ sung các điểm 2.13, 2.14 Khoản 2: 2.13. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; 2.14. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập	

		<i>thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</i>	theo đúng quy định của LDN 2020.
9.4.	2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông Công ty;	Điều chỉnh thành điểm 2.10 và sửa đổi nội dung: 2.10. Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông Công ty;	Điều chỉnh theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 138 LDN 2020.
9.5.	2.12. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại hoặc mua lại dưới mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã được chào bán quá 12 tháng;	Sửa đổi điểm 2.12. Khoản 2: 2.12. Quyết định việc mua lại số cổ phần đã bán đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Khoản 1 Điều 133 LDN 2020 quy định Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
9.6.	2.15. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.	Điều chỉnh điểm 2.15 thành điểm 2.16 và bổ sung nội dung: 2.16. Chấp thuận việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng	Bổ sung thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong việc thông qua một số hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty và cổ đông sở hữu trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 167 LDN 2020.

		<i>giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</i>	
10	Điều 14. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông		
10.1.	1. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi khoản 1: 1. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết , nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Điều chỉnh người có thẩm quyền quyết định việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ của doanh nghiệp, theo đó, HĐQT trong trường hợp xét thấy cần thiết sẽ quyết định gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ. Doanh nghiệp không cần phải thực hiện thủ tục đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn mới được phép gia hạn thời gian tổ chức. Đây là sự thay đổi của LDN 2020 (Khoản 2 Điều 139 LDN 2020), theo đó, cho phép doanh nghiệp tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về vấn đề này, về căn cơ quan đăng ký kinh doanh cho phép gia hạn là không cần thiết.
10.2.	2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội	Sửa đổi khoản 2: 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông	- Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 LDN 2020, theo đó, Địa điểm họp ĐHĐCĐ được điều chỉnh cho ngắn gọn thành địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp tham dự. - Điều chỉnh vấn đề liên quan đến đại diện

	đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều 12 Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</u>	thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều 13 Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <i>Đại diện Công ty kiểm toán độc lập có thể được mời để tham dự Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính năm của Công ty.</i>	của Công ty kiểm toán độc lập được mời tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4 Điều 50 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
10.3.	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... 3.2. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị giảm một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; 3.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn so với thành viên mà pháp luật quy định, trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Khoản 4 Điều này.	<i>Bãi bỏ Khoản 3.2, Điều chỉnh điểm 3.3 thành điểm 3.2 và sửa đổi nội dung:</i> 3. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... <i>3.2. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật.</i>	- Bãi bỏ điểm 3.2, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 140 LDN 2020. - Điều chỉnh theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 140 LDN 2020.

10.4.	3.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông <u>bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải phải có đủ nội dung theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</u>	Điều chỉnh thành điểm 3.4 và sửa đổi nội dung: 3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. <i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</i>	Điều chỉnh theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
10.5.	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày <u>số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm 3.3 Khoản 3 Điều này</u> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Điểm 3.5 và Điểm 3.6, Khoản 3 Điều này;</u>	Sửa đổi điểm 4.1 khoản 4: 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày <i>kể từ ngày xảy ra trường hợp theo quy định tại Điểm 3.2 Khoản 3 Điều này</i> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm 3.4 và Điểm 3.5, Khoản 3 Điều này;	Khoản 2 Điều 140 LDN 2020 đã bổ sung trường hợp số lượng thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày. Do đó, điều chỉnh điểm 4.1 theo đúng quy định của Khoản 2 Điều 140 nêu trên.
10.6.	4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.2, Khoản này thì cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11	4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.2 Khoản này thì cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 LDN 2020.

	Điều lệ này có quyền <u>thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	
11	Điều 15. Thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông		
11.1.	-	<i>Điều chỉnh tên điều “Các đại diện theo ủy quyền” thành “Thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông”</i>	Dự thảo Điều lệ đã bổ sung Điều 10 về Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức. Đồng thời, điều chỉnh tên điều vì nội dung điều này tương ứng với quy định tại Điều 144 LDN 2020 về việc thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
11.2.	1. <u>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho một người khác đại diện cho mình tham dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</u>	Sửa đổi khoản 1: 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.	Theo quy định tại Khoản 1 Điều 144 LDN 2020, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức đại diện cho mình tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, thay vì chỉ được ủy quyền cho một cá nhân khác (cổ đông là cá nhân) hoặc một số cá nhân (cổ đông là tổ chức) theo quy định của LDN 2014. Do đó, điều chỉnh khoản 1 theo quy định của Khoản 1 Điều 144 trên. Việc xác định số lượng cổ phần và số phiếu bầu trong được quy định tại Khoản 2 Điều này.

11.3.	2. Việc uỷ quyền cho <u>người đại diện</u> dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: 2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>người được uỷ quyền dự họp;</u> 2.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và <u>người được uỷ quyền</u> dự họp; 2.3. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và <u>người được uỷ quyền dự họp.</u> <u>Người được uỷ quyền</u> dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	Sửa đổi khoản 2: 2. Việc uỷ quyền cho <i>cá nhân, tổ chức</i> đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. <i>Văn bản uỷ quyền phải được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền, số lượng cổ phần được uỷ quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</i> 2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <i>(các) cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền;</i> 2.2. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và <i>(các) cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền;</i> 2.3. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và <i>(các) cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.</i>	LDN 2020 đã bãi bỏ quy định về mẫu uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải do Công ty lập và cổ đông thực hiện uỷ quyền phải áp dụng mẫu này; theo đó, văn bản uỷ quyền chỉ cần tuân thủ đúng quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền. Điều chỉnh quy định về chữ ký của cổ đông và cá nhân, tổ chức đại diện theo uỷ quyền của cổ đông để phù hợp.
--------------	--	---	--

		<i>Cá nhân, tổ chức</i> được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	
11.4.	5. Đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sẽ chấm dứt đại diện khi cổ đông đó gửi văn bản thông báo cho Công ty hoặc cổ đông đó bán toàn bộ vốn góp của mình tại Công ty.	Bãi bỏ	Khoản này được điều chuyển đến Điều 10 - Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức để phù hợp với logic của điều khoản.
11.5.	6. Trong trường hợp đại diện theo uỷ quyền hiện đang giữ các chức danh thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát tại Công ty thì sẽ bị miễn nhiệm kể từ thời điểm có thông báo chấm dứt đại diện của cổ đông.	Bãi bỏ	Bãi bỏ khoản này vì không phù hợp với quy định tại Điều 16 Điều lệ mẫu, Thông tư 95/2017/TT-BTC, hơn nữa, các trường hợp miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS phải được thông qua bằng nghị quyết của ĐHĐCĐ và đã được quy định tại Điều 24 và Điều 32 Dự thảo Điều lệ.
12	Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông		
12.1.	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <u>những nhiệm vụ</u> sau đây: 2.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <i>các công việc</i> sau đây: 2.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời	Điều chỉnh thời gian lập danh sách cổ đông, theo đó, quy định của LDN 2014 và Điều lệ hiện hành thì danh sách cổ đông được lập tối thiểu phải trước 05 năm ngày tính đến ngày gửi thông báo mời họp nhưng không giới hạn thời gian tối đa, do đó đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nhiều cổ đông trong trường hợp Công ty lập danh sách cổ

		họp Đại hội đồng cổ đông;	đồng quá sớm. Khoản 1 Điều 141 LDN 2020 đã điều chỉnh quy định này, theo đó, danh sách cổ đông được lập tối đa không quá 10 ngày trước ngày gửi thư mời và không giới hạn thời gian tối thiểu. Do đó, điều chỉnh quy định như trên.
12.2.	2.6. Xác định thời gian và địa điểm <u>tổ chức đại hội</u>; 2.7. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>cho</i> tất cả các cổ đông có quyền dự họp và các công việc khác phục vụ cuộc họp;	Sửa đổi điểm 2.6 và 2.7 Khoản 2: 2.6. Xác định thời gian và địa điểm <i>họp</i>; 2.7. Thông báo và gửi thông báo <i>mời</i> họp Đại hội đồng cổ đông <i>đến</i> tất cả các cổ đông có quyền dự họp;	Điều chỉnh theo quy định tại điểm e, điểm g Khoản 5 Điều 140 LDN 2020.
12.3.	3. Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, <u>địa chỉ thường trú</u> của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Sửa đổi khoản 3: 3. Thông báo <i>mời họp</i> được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <i>hai mươi một (21) ngày</i> trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, <i>địa chỉ liên lạc</i> của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác	Điều chỉnh thời gian gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 143 LDN 2020.

		đối với người dự họp.	
12.4.	4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty đã được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch); đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.	Sửa đổi khoản 4: 4. Thông báo <i>mời họp</i> được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và <i>đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; trong trường hợp xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 143 LDN 2020, theo đó, thông báo mời họp bắt buộc phải đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; việc đăng thông báo mời họp trên các báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương là sự lựa chọn của doanh nghiệp trong trường hợp xét thấy cần thiết, không còn lại thủ tục bắt buộc so với quy định của LDN 2014.
12.5.	5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: 5.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;	Bãi bỏ điểm 5.4.	Như đã nêu trên, LDN 2020 đã bãi bỏ quy định về bắt buộc sử dụng mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp do doanh nghiệp lập; văn bản ủy quyền tuân theo quy định của pháp luật về dân sự.
12.6.	5.5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông có	Điều chỉnh điểm 5.5. thành điểm 5.4 và sửa đổi nội dung: <i>Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</i> Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 LDN 2020, theo đó, Công ty không còn nghĩa vụ phải gửi tài liệu họp trong trường hợp cổ đông có yêu cầu, sau khi đã đăng tải tài liệu trên website của Công ty thì cổ đông được xem là đã nhận được đầy đủ tài liệu họp.

	yêu cầu bằng văn bản.		
12.7.	6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền <u>đề xuất</u> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <u>Đề xuất</u> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Điều chỉnh nội dung Khoản 6: 6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền <i>kiến nghị</i> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <i>Kiến nghị</i> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <i>Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 142 LDN 2020.
12.8.	7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến <u>Khoản 6 Điều này trong các trường hợp sau:</u> 7.1. <u>Đề xuất</u> được gửi đến <u>không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</u> 7.2. Vào thời điểm <u>đề xuất</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3, Điều <u>10</u> Điều lệ này;	Sửa đổi khoản 7: 7. <i>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 6 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối nếu đề xuất thuộc một trong các trường hợp sau:</i> 7.1. <i>Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 6 Điều này;</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 142 LDN 2020, theo đó: - Người triệu tập phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông có kiến nghị bổ sung nội dung vào chương trình họp ĐHĐCĐ 02 ngày trước ngày khai mạc đại hội, không còn được từ chối mà không có trả lời và không nêu rõ lý do. - Bãi bỏ quy định về thời hạn liên tục nắm giữ cổ phần (theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 115 LDN 2020).

	7.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; 7.4. Đề xuất không phù hợp với các quy định pháp luật.	7.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; 7.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; 7.4. Kiến nghị không phù hợp với các quy định của pháp luật.	
12.9.	Chưa có quy định	Bổ sung Khoản 8: 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 LDN 2020.
12.10	8. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Điều chỉnh Khoản 8 thành Khoản 9 và sửa đổi nội dung: 9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Điều chỉnh “Hội đồng quản trị” thành “Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông” theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 LDN 2020.
12.11	9. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần	Chuyển sang Điều 19. Thông qua Nghị quyết	Điều chuyển sang từ Điều 16 về triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo

	có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	<i>của Đại hội đồng cổ đông</i>	hợp ĐHĐCĐ sang Điều 19 về Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ để phù hợp về logic của quy định.
13.	Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông		
13.1.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	<i>Sửa đổi khoản 1:</i> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 LDN 2020.
13.2.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm <u>ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm <i>xác định</i> khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. <i>Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 145 LDN 2020.
13.3.	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều

	được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm <u>ấn định</u> khai mạc cuộc họp, <u>Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và những người đại diện ủy quyền tham dự</u> , đại hội được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm <i>xác định</i> khai mạc cuộc họp, <i>người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp; đại hội được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</i>	145 LDN 2020.
14.	Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông		
14.1.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều <u>khuyến</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.	<i>Gộp khoản 4 và khoản 5 thành khoản 2 và bổ sung nội dung:</i> <i>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</i> <i>2.1. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>2.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng</i>	- Gộp Khoản 4 và Khoản 5 thành Khoản 3 về việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu, bổ sung các nội dung liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 LDN 2020. - Bổ sung cụm “ <i>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác</i> ” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 146 LDN 2020. Theo quy định của LDN 2014, Chủ tịch chỉ có thể ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt tại cuộc họp.

	Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều <u>hiển</u> Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. 5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.	quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp; 2.1.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. 2.2. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; 2.3. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	LDN 2020 đã bổ sung trường hợp Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm chủ tọa cuộc họp ngay cả trong trường hợp Chủ tịch HĐQT có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
14.2.	Chưa có quy định	3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 146 LDN 2020.

14.3.	2. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua một hình thức biểu quyết khác tại cuộc họp, hình thức tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông như sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ toạ.</u>	<i>Điều chỉnh thành khoản 4 và sửa đổi nội dung:</i> 4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua một hình thức biểu quyết khác tại cuộc họp, hình thức tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông như sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <i>Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5 Điều 146 LDN 2020, phù hợp với thực tế thực hiện trong việc biểu quyết, thu phiếu biểu quyết và công bố kết quả kiểm phiếu diễn ra tại các cuộc họp ĐHĐCĐ. - Bãi bỏ quy định về việc bầu người kiểm phiếu/giám sát kiểm phiếu. Quy định này được chuyển đến Khoản 2 Điều này.
--------------	--	--	--

14.4.	6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại <u>Khoản 8 Điều 142</u> Luật Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Thời gian hoãn tối đa không quá <u>3 ngày</u> kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.	Sửa đổi Khoản 6: 6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại <i>Khoản 8 Điều 146</i> Luật Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 LDN 2020, theo đó, thời gian hoãn tối đa điều chỉnh từ “3 ngày” thành “3 ngày làm việc”.
14.5.	8. <u>Hội đồng quản trị</u> có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà <u>Hội đồng quản trị</u> cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>Hội đồng quản trị</u> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên, không cho tham gia đại hội.	Sửa đổi khoản 8: 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	Điều chỉnh “Hội đồng quản trị” thành “Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông” theo quy định tại Khoản 7 Điều 146 LDN 2020. Hơn nữa, mặc dù đa số trường hợp là HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ những vẫn xảy ra các trường hợp BKS hay cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ, do đó, điều chỉnh thành “người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông” là phù hợp và đảm bảo quyền cho người triệu tập.
14.6.	Khoản 9 và Khoản 10	Điều chỉnh tương tự như khoản 8.	-

14.7.	Chưa có quy định	12. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Công ty xây dựng Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trình Đại hội đồng cổ đông qua trước khi áp dụng.	Tham khảo Khoản 3 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Hướng dẫn số 1916/UBCK-GSĐC ngày 20/3/2020 của UBCKNN về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Đề xuất bổ sung nội dung về tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, phù hợp với quy định tại điểm c, đ Khoản 3 Điều 144 LDN 2020.
15.	Điều 19. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông		
15.1.	2. Trừ trường hợp quy định tại các <u>Khoản 3 và Khoản 4 Điều này</u> , các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được ít nhất 51% <u>tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp tán thành.</u>	Sửa đổi khoản 2: 2. Trừ trường hợp quy định tại các <i>Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này</i> , các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.	Điều chỉnh tỷ lệ thông qua nghị quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 LDN 2020.
15.2.	3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi được ít nhất 65% <u>tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của</u>	3. <i>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</i> ...	- Điều chỉnh tỷ lệ quy định liên quan về tỷ lệ biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 LDN 2020. - Điều chỉnh việc mua lại cổ phần đảm bảo tương thích với quy định tại Điểm 2.13 Điều 13 Dự thảo Điều lệ.

	<u>cổ đông dự họp tán thành:</u> ... <u>3.3. Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã chào bán hoặc mua lại dưới mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đã được chào bán quá 12 tháng;</u>	3.3. Việc mua lại số cổ phần đã bán đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	
15.3.	Chưa có quy định	Bổ sung khoản 5: 5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	LDN 2020 bổ sung quy định về quyền biểu quyết đối với cổ phần phổ thông đã được lưu ký để phát hành Chứng chỉ ký quỹ không có quyền biểu quyết để tương thích với nội dung được sửa đổi tại Điều 117, 118 LDN. Do đó, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 148 LDN 2020 (Đây là điều khoản dự phòng).
15.4.	9. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó <u>không được thực hiện đúng như quy định.</u>	Điều chuyển khoản 9 Điều 16 thành Khoản 6 Điều 19 và sửa đổi nội dung: 6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập và thông	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 152 LDN 2020.

		qua các nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	
16.	Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông		
16.1.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Điều lệ này.	Sửa đổi Khoản 1: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Điều lệ này.	-
16.2.	4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ... 4.3. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, <u>số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; <u>tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Sửa đổi khoản 4: 4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ... 4.3. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> của cổ đông là cá nhân; <u>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức</u> ; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết	Điều chỉnh thông tin của cổ đông trên phiếu lấy ý kiến theo quy định tại Khoản 3 Điều 149 LDN 2020. Bãi bỏ quy định về việc phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật trên phiếu lấy ý kiến theo quy định tại Khoản 3 Điều 149 LDN 2020, theo đó, phiếu lấy ý kiến chỉ cần chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

	... 4.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	của cổ đông; ... 4.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	
16.3.	5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được <u>sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</u>	Điều chỉnh, bổ sung nội dung Khoản 5: 5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được <i>sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến Công ty không nhận được tại thời điểm kiểm phiếu được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</i>	Điều chỉnh và bổ sung nội dung theo quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 149 LDN 2020.
16.4.	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Sửa đổi, bổ sung khoản 6: 6. Hội đồng quản trị <i>tổ chức</i> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, <i>giám sát</i> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5 Điều 149 LDN 2020, trong đó: - Bổ sung cụm từ “<i>tổ chức</i>”: thể hiện vai trò tổ chức kiểm phiếu của HĐQT. - Bổ sung cụm từ “<i>giám sát</i>” thể hiện vai

	... 6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; ... 6.5. Các vấn đề đã được thông qua; 6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ... 6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ <i>và số phiếu Công ty không nhận được tại thời điểm kiểm phiếu,</i> kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; ... 6.5. Vấn đề đã được thông qua <i>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i> 6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	trò giám sát kiểm phiếu của Ban kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý. - Bổ sung cụm “và số phiếu Công ty không nhận được tại thời điểm kiểm phiếu” tại điểm 6.3 để đảm bảo phù hợp với quy định về tính hợp lệ của phiếu lấy ý kiến được quy định tại Khoản 5 Điều 20 Dự thảo Điều lệ. - Bổ sung cụm “<i>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</i>” tại điểm 6.5 đối với các vấn đề đã được thông qua trong trường hợp thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản. - Bãi bỏ quy định về chữ ký của người đại diện theo pháp luật tại điểm 6.6. như Khoản 4 nêu trên.
16.5.	7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty <u>trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</u> Biên bản kiểm phiếu được xem như các cổ đông đã nhận được sau khi được công bố trên website của Công ty.	<i>Bổ sung nội dung khoản 7:</i> 7. Biên bản kiểm phiếu và <i>nghị quyết</i> phải được gửi đến các cổ đông <i>trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</i>	- Bổ sung cụm từ “<i>nghị quyết</i>”, theo đó, Khoản 6 Điều 149 LDN 2020 đã quy định về việc gửi kèm nghị quyết của ĐHĐCĐ kèm biên bản kiểm phiếu đến cổ đông hoặc đăng trên website của Công ty thay vì chỉ gửi biên bản kiểm phiếu theo quy định của LDN 2014. - Điều chỉnh thời hạn gửi biên bản và nghị

		trong trường hợp đó, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được xem như các cổ đông đã nhận được sau khi được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	quyết theo quy định tại Khoản 6 Điều 149 LDN 2020 và Khoản 7 Điều 22 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
16.6.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được <u>số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</u> và có giá trị như nghị quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi khoản 9: 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được <i>số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</i> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh tỷ lệ thông qua nghị quyết theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 148 LDN 2020.
17.	Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông		
17.1.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông tại Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời	Chia khoản 2 thành 02 khoản (2 và 3) và bổ sung các nội dung: 2. Biên bản <i>họp</i> phải có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký. <i>Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i>	- Bổ sung quy định về trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 150 LDN 2020. - Bãi bỏ các cụm từ “phải được lập bằng tiếng Việt”, “và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này” vì đã được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Dự thảo Điều lệ. - Quy định về lưu trữ hồ sơ có liên quan được quy định tại Khoản 4 Điều 21 Dự thảo

	hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên <i>trang thông tin điện tử</i> của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày <i>kết thúc cuộc họp</i> . Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông.	Điều lệ.
17.2.			Bổ sung quy định về chữ ký trên biên bản họp ĐHĐCĐ, theo đó, sẽ có chữ ký của người ký tên trên biên bản họp (trong trường hợp chủ tọa và thư ký không đồng ý ký tên trên biên bản họp), theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 150 LDN 2020.
17.3.	2.....Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi nội dung và bổ sung thành khoản 4: 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 150 LDN 2020.
18.	Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông		
18.1.	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng	Điều chỉnh thành Khoản 1 và Sửa đổi, bổ	Bổ sung “nghị quyết” của ĐHĐCĐ vào tài liệu được chấp nhận để tính thời hiệu cho

	cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, <u>hủy bỏ nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	sung: 1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <i>nghị quyết hoặc</i> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, <i>hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của cổ đông. Bổ sung “hoặc một phần nội dung nghị quyết” theo quy định tại Điều 150 LDN 2020, theo đó, có thể Tòa án hoặc Trọng tài chỉ quyết định hủy bỏ một phần nội dung của nghị quyết và các nội dung còn lại của nghị quyết vẫn có hiệu lực.
18.2.	1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh thành điểm 1.1. Khoản 1 và bổ sung nội dung: 1.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, <i>trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 19 Điều lệ này.</i>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 LDN 2020, theo đó, loại trừ trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ không được thực hiện đúng quy định nhưng được 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông thì cổ đông không có quyền yêu cầu hủy nghị quyết này.
18.3.	3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi <u>Tòa án, Trọng tài có quyết định khác</u> , trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn	Điều chỉnh thành Khoản 2 và sửa đổi nội dung: 2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết	Điều chỉnh theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 152 LDN 2020, theo đó, nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực thay vì như quy định của LDN 2014 là Tòa án hoặc Trọng tài ra quyết định; bởi lẽ một quyết định chưa có

	cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực , trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài lại có thể hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ là chưa phù hợp.
18.4.	4. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ</u> có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều chỉnh thành Khoản 3 và sửa đổi nội dung: 3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Điều chỉnh ĐHĐCĐ bị hủy bỏ thành ĐHĐCĐ đã thông qua nghị quyết bị hủy bỏ để làm rõ hơn quy định, vì không phải cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ mà chỉ có nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ.
19.	Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị		
19.1.	<u>2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty</u> và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	Điều chỉnh khoản 2: 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	Điều chỉnh về tiêu chuẩn chuyên môn của thành viên HĐQT theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 LDN 2020.
19.2.	4. Đối với công ty con mà <u>Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</u> thì thành viên Hội	Sửa đổi khoản 5: 5. Đối với <i>doanh nghiệp nhà nước</i> theo quy	Điều chỉnh theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 155 LDN 2020 do có sự thay đổi về

	đồng quản trị <u>không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu</u> của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.	<i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp</i> thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty đó; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.	khái niệm các doanh nghiệp có liên quan đến nhà nước và khái niệm người có quan hệ gia đình (như đã thuyết minh ở Điều 1 - Giải thích thuật ngữ).
20.	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		
20.1.	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy	Sửa đổi Khoản 2: 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới	Bãi bỏ cụm “trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng” để đảm bảo phù hợp với quy định về quyền của cổ đông tại Điều 115 LDN 2020 và Điều 11 Dự thảo Điều lệ.

	(07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
20.2.	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: 4.1. Thành viên đó <u>không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị</u>; 4.2. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó có văn bản yêu cầu bãi nhiệm; 4.3. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; 4.4. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; 4.5. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ	<i>Chia khoản 4 thành 02 khoản (4 và 5) và điều chỉnh nội dung như sau:</i> <i>4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</i> 4.1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; 4.2. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; 4.3. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; 4.4. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Hội đồng quản trị đó có văn bản yêu cầu miễn nhiệm; 4.5. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực	Điều 160 LDN 2020 phân định rõ các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, đồng thời cũng khẳng định thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT là thuộc về ĐHĐCĐ, thành viên HĐQT chỉ chính thức bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi có nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua vấn đề này.

	người đó không còn năng lực hành vi;	hành vi;	
20.3.	4.6. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 4.7. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	
20.4.	Chưa có quy định	6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 160 LDN 2020, theo đó, ĐHĐCĐ có thể quyết định thay thế thành viên HĐQT bất kỳ lúc nào trong trường hợp xét thấy cần thiết, và miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 4 và khoản 5 nêu trên.
20.5.	5. Việc, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán.	Điều chỉnh khoản 5 thành khoản 7 và sửa đổi nội dung: 7. Việc, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán (nếu có).	LDN 2020 đã bãi bỏ quy định về việc công bố thông tin khi có thay đổi người quản lý nói chung đến cơ quan đăng ký kinh doanh so với LDN 2014. Do đó, điều chỉnh quy định này dự phòng trong trường hợp Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
21.	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị		
21.1.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa	Điều chỉnh Khoản 1: 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý	Điều chỉnh cách diễn đạt.

	vụ của Công ty <u>không</u> thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, <i>trừ các quyền và nghĩa vụ</i> thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
21.2.	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác.	<i>Bãi bỏ</i>	Quy định này chưa đầy đủ theo quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 153 LDN 2020. và đã được bổ sung tại điểm 2.5 Khoản 2 Điều 25 Dự thảo Điều lệ.
21.3.	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có <u>những quyền hạn và nhiệm vụ</u> sau: ... 3.7. <u>Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u> 3.8. <u>Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u> 3.9. <u>Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ</u>	<i>Điều chỉnh Khoản 3 thành Khoản 2. Sửa đổi nội dung các điểm 3.7, 3.8, 3.9 và 3.12 đồng thời điều chỉnh thành các điểm 2.7, 2.8, 2.9 và 2.13 như sau:</i> 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có <i>những quyền và nghĩa vụ</i> sau: <i>2.7. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</i> <i>2.8. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</i> <i>2.9. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</i> ...	Điều chỉnh theo đúng quy định tại điểm b, điểm d, điểm p Khoản 2 Điều 153 LDN 2020; điểm l Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.

	quyền; ... 3.12. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;	2.13. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;	
21.4.	-	Bổ sung điểm 2.5, điểm 2.10, điểm 2.16 Khoản 2: 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau: 2.5. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; ... 2.10. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; ... 2.16. Quyết định phương án đầu tư và dự	- Bổ sung điểm 2.5 theo quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 153 LDN 2020, đồng thời chuyển quy định này từ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Điều 26 Điều lệ hiện hành) thành quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là phù hợp, vì Tổng giám đốc và những người quản lý, người điều hành khác đều do HĐQT bổ nhiệm thì quyền và trách nhiệm giám sát, chỉ đạo thuộc về HĐQT. - Bổ sung điểm 2.10 và điểm 2.16 lần lượt theo quy định tại điểm c và điểm e Khoản 2 Điều 153 LDN 2020.

		<i>án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</i>	
21.5.	3.21. Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;	<i>Điều chỉnh thành điểm 2.22 và sửa đổi nội dung:</i> 2.22. Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong <i>thời hạn</i> 12 tháng;	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 133 LDN 2020.
21.6.	3.22. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;	<i>Điều chỉnh thành điểm 2.23 và sửa đổi nội dung:</i> 2.23. Quyết định mức giá mua lại cổ phần của Công ty;	Bãi bỏ quy định về thu hồi cổ phần vì việc thu hồi cổ phần không áp dụng đối với công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng.
22.	Bổ sung Điều 26. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị		
	6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo <u>Quy chế quản trị Công ty</u> và phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	<i>Điều chỉnh các Khoản 6 đến Khoản 9 Điều 25 Dự thảo thành Điều 26 và sửa đổi, bổ sung nội dung:</i> 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo <i>Quy chế</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Điều 163 LDN 2020.

7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp <u>phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</u> 8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự	<i>quản trị nội bộ của Công ty.</i> 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty <i>(nếu có). Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo tài chính hàng năm của Công ty.</i> 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và	
---	--	--

	các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.	
Vì bổ sung Điều 26 nêu trên nên các điều tiếp theo được điều chỉnh số thứ tự tăng tương ứng.			
23.	Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị		
23.1.	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi khoản 1: 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 LDN 2020, theo đó khẳng định chủ tịch HĐQT phải là thành viên HĐQT và thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm là thuộc về HĐQT.
23.2.	2.1. Trực tiếp giám sát Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;	Bãi bỏ.	Tương tự điểm 2.5 Khoản 2 Điều 25 Dự thảo Điều lệ về quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT.
23.3.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có những <u>quyền hạn và trách nhiệm</u> sau: ...	Sửa đổi Khoản 2: 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có <i>quyền và nghĩa vụ</i> sau đây:	- Điều chỉnh và bổ sung nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 156 LDN 2020 về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. - Bổ sung hình thức văn bản “quyết định”

	<u>2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</u> 2.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; <u>2.5. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u> 2.6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế của Công ty.	 2.1. <i>Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</i> 2.2. <i>Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</i> 2.3. <i>Tổ chức việc thông qua và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</i> 2.4. <i>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</i> 2.5. <i>Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</i> 2.6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế của Công ty.	- thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 153 LDN 2020.
23.4.	2.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc	Điều chỉnh thành Khoản 3 và bổ sung nội dung: 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho	Điều chỉnh và dẫn chiếu quy định tại Khoản 4 Điều 156 LDN 2020, theo đó, LDN đã mở rộng quy định về các trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình: Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang

	quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số;	một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị;	chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
23.5.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm.	Điều chỉnh thành Khoản 4 và sửa đổi nội dung: 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.	Bãi bỏ đoạn đầu vì thẩm quyền bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT đã được quy định tại điểm 2.3 Khoản 2 Điều 25 và Khoản 1 Điều 27 Dự thảo Điều lệ.
24.	Điều 28. Cuộc họp Hội đồng quản trị		
24.1.	<u>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc</u>	Sửa đổi Khoản 1: 1. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 LDN 2020.

	hợp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	
24.2.	<u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày dự họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</u>	Sửa đổi khoản 2: 2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 157 LDN 2020.
24.3.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: 3.1. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;	Sửa đổi đoạn đầu khoản 3: 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, <i>trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</i> 3.1. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; ...	- Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 157 LDN 2020. - Điều chỉnh “người quản lý” thành “người điều hành” đảm bảo phù hợp với quy định về người điều hành của Công ty.

	...		
24.4.	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; <u>những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u>	Sửa đổi Khoản 4: 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; <u>những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 157 LDN 2020.
24.5.	5. Trường hợp có yêu cầu của <u>kiểm toán viên độc lập</u>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Sửa đổi Khoản 5: 5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Điều chỉnh cách diễn đạt, đảm bảo thống nhất với quy định tại Khoản 2 Điều 14 Dự thảo Điều lệ.
24.6.	7. <u>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp.</u> Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và <u>việc từ chối này có thể có hiệu lực</u>	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và <u>việc từ chối này có thể được</u>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 157 LDN 2020 và quy định tại Khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.

	<u>hội tổ</u>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	<i>thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị.</i> Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	
24.7.	Chưa có quy định	Bổ sung Khoản 8: 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 157 LDN 2020.
24.8.	8. <u>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự và biểu quyết tại</u>	Tách Khoản 8 thành 02 Khoản (Khoản 9 và Khoản 10) và điều chỉnh nội dung: 9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành	- Điều chỉnh về điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại Khoản 8 Điều 157 LDN 2020.

	cuộc họp. ... Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: 8.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số (1/2) thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
24.9.	8.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; 8.3. Tham dự và biểu quyết thông qua <u>hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>; 8.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: 10.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 10.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; 10.3. Tham dự và biểu quyết thông qua <u>hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>; 10.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	- Bổ sung hình thức “bỏ phiếu điện tử” hoặc hình thức điện tử tương tự khác theo quy định tại điểm c Khoản 9 Điều 157 LDN 2020.
24.10	Chưa có quy định	Bổ sung Khoản 11: 11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được	Bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 157 LDN 2020.

		chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	
24.11	11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc ủy quyền (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, <u>phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</u>	Điều chỉnh Khoản 11 thành Khoản 14 và sửa đổi nội dung: 14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc ủy quyền tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, <i>thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 12 Điều 157 LDN 2020.
24.12	13. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Quy chế quản trị nội bộ của Công ty quy định cụ thể trình tự, thủ tục thông qua <u>nghị quyết</u> của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. <u>Nghị quyết</u> theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. <u>Nghị quyết</u> này có hiệu	Điều chỉnh Khoản 13 thành Khoản 16 và sửa đổi nội dung: 16. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Quy chế quản trị nội bộ của Công ty quy định cụ thể trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ	Bổ sung hình thức văn bản “quyết định” của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 153 LDN 2020.

	lực và giá trị như <u>ng nghị quyết</u> được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp.	
24.13	15. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. <u>Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u>	<i>Điều chỉnh thành Khoản 18 và sửa đổi nội dung:</i> 18. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. <i>Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
25.	Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý		

	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>trực thuộc sự lãnh đạo</u> của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các <u>chức danh khác</u> do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. <u>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</u>	Điều chỉnh Điều 29: Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <i>chịu sự giám sát, chỉ đạo</i> của Hội đồng quản trị <i>trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty</i> . Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh <i>điều hành khác</i> do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. <i>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.</i>	Điều chỉnh cách diễn đạt.
26.	Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc		
26.1.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định <u>mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u>	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký kết hợp đồng trong đó quy định <i>tiền lương, thù lao và lợi ích khác</i> . Thông tin về <i>tiền lương, thù lao, lợi ích khác</i> của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty (nếu có).</i>	- Bổ sung từ “kết” theo quy định tại điểm i Khoản 2 Điều 153 LDN 2020, theo đó, HĐQT ký kết hợp đồng với Tổng giám đốc, thể hiện cả quá trình để có kết quả là hợp đồng đạt được giữa các bên. Còn người ký hợp đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và lao động. - Đồng thời điều chỉnh quy định về trình bày trong báo cáo tài chính, báo cáo thường niên theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 LDN 2020.

26.2.	Chưa có quy định	Bổ sung Khoản 2: 2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 LDN 2020.
26.3.	3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: 3.1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; 3.2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà <u>không cần phải có quyết định</u> của Hội đồng quản trị; ... 3.9. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như	Điều chỉnh Khoản 4 và sửa đổi nội dung: 4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: 4.1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; 4.2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; ... 4.9. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu	- Bổ sung các cụm từ “tổ chức” và “quyết định” để làm rõ vai trò của Tổng giám đốc là tổ chức thực hiện, không phải chỉ riêng Tổng giám đốc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. - Điều chỉnh cụm từ “không cần phải có quyết định” thành “không thuộc thẩm quyền” theo điểm e khoản 3 Điều 162 LDN 2020, để phân định rõ các trường hợp nào Tổng giám đốc được quyền quyết định, vì “không cần phải có quyết định” không rõ nghĩa rằng vấn đề đó có thuộc thẩm quyền của HĐQT hay không. - Điều chỉnh thời gian Tổng giám đốc trình HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh từ “vào ngày 30 tháng 11 hàng năm” thành “trước 31 tháng 12 hàng năm” phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và phù hợp với quy định tại điểm g Khoản 3 Điều 35

	kế hoạch tài chính năm (05) năm;	của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
26.4.	4. <u>Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</u>	<i>Điều chỉnh thành Khoản 5 và sửa đổi nội dung:</i> 5. <i>Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</i>	- Điều chỉnh cách diễn đạt. - Bổ sung quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc đưa ra các quyết định gây thiệt hại cho Công ty theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 162 LDN 2020.
27.	Điều 32. Thư ký công ty		
27.1.	Khi xét thấy cần thiết, <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u> 	<i>Sửa đổi đoạn đầu của Điều 31:</i> Khi xét thấy cần thiết, <i>Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty.</i> Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 LDN 2020, theo đó, thẩm quyền bổ nhiệm Thư ký Công ty thuộc về HĐQT thay vì Chủ tịch HĐQT như quy định của LDN 2014, và để khẳng định Thư ký Công ty là người giúp việc cho cả HĐQT chứ không phải chỉ riêng chủ tịch HĐQT.
27.2.	1. <u>Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản</u>	<i>Điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của Thư ký</i>	Điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của Thư ký

	trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp; ghi chép các biên bản họp. 4. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 5. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty. 6. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. 7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Công ty: 1. <i>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.</i> 2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty. 4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; <i>việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</i> 5. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 LDN 2020; Bổ sung nghĩa vụ bảo mật thông tin.
28.	Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát		
28.1.	2. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và <u>không phải là</u>	Bổ sung điều khoản tổng hợp về tiêu chuẩn và	- Bổ sung điều khoản quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên, đảm

	<u>người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.</u> 3. Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. 4. Kiểm soát viên không phải là <u>người có liên quan</u> với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác của Công ty.	điều kiện của Kiểm soát viên: 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên: 2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; 2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; 2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác của Công ty. 2.4. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. <i>Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</i> 2.5. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	bảo đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 169 LDN 2020. - Điều chỉnh mối quan hệ giữa Kiểm soát viên và những người quản lý khác của Công ty từ “người có liên quan” thành “người có quan hệ gia đình” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 169 LDN 2020.
28.2.	5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải	Điều chỉnh khoản 5 thành khoản 3 và sửa đổi nội dung: 3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số	- Điều 168 LDN 2020 đã bãi bỏ quy định yêu cầu Trưởng BKS là phải kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và làm

là <u>kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp</u> và <u>phải làm việc chuyên trách tại Công ty</u>. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: 	họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát <i>phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có thể làm việc chuyên trách tại Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i> 	việc chuyên trách tại Công ty. - Do đó, đề xuất điều chỉnh tiêu chuẩn của Trưởng ban kiểm soát là “<i>phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty</i>” theo quy định tại Khoản 2 Điều 168 LDN 2020, bởi lẽ tiêu chuẩn kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp thông thường là cao hơn so với mức đáp ứng của doanh nghiệp; đồng thời tiêu chuẩn đó cũng đã giới hạn những nhân sự có chuyên môn trong các lĩnh vực tài chính, kinh tế, luật. - Về yêu cầu làm việc chuyên trách tại Công ty: LDN 2020 không yêu cầu Trưởng BKS phải làm việc chuyên trách tại Công ty nhưng cũng không giới hạn nếu Công ty cổ phần lựa chọn điều này. Do đó, để không giới hạn sự lựa chọn của Công ty và cũng không đặt vào tình huống bắt buộc phải có Trưởng BKS chuyên trách, đề xuất quy định “<i>Trưởng Ban kiểm soát có thể làm việc chuyên trách theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>”.
---	--	---

28.3.	8. <u>Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</u> 8.1. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 164 Luật Doanh nghiệp</u>; 8.2. Kiểm soát viên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 8.3. Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; 8.4. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Ban kiểm soát đó có văn bản yêu cầu bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát; 8.5. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Ban kiểm soát đó đã bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; 8.6. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành	<i>Chia khoản 8 thành 02 khoản (6 và 7) và điều chỉnh nội dung như sau:</i> <i>6. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</i> 6.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 169 Luật Doanh nghiệp</u>; 6.2. Có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; 6.3. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Ban kiểm soát đó đã bán toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty; 6.4. Trường hợp cổ đông đề cử hoặc toàn bộ cổ đông thuộc nhóm cổ đông cùng đề cử thành viên Ban kiểm soát đó có văn bản yêu cầu miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát; 6.5. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;	Tương tự như quy định về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Điều 174 LDN 2020 phân định rõ các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Kiểm soát viên, đồng thời cũng khẳng định thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Kiểm soát viên là thuộc về ĐHĐCĐ, và Kiểm soát viên chỉ chính thức bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi có nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua vấn đề này.
28.4.	những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành	<i>7. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</i>	

	vi dân sự; 8.7. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	7.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 7.2. Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 7.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; 7.4. Bị bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
29.	Điều 34. Ban kiểm soát		
29.1.	1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và nghĩa vụ sau đây:</u> <u>1.1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</u> 1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; 1.3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham	Sửa đổi khoản 1: 1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <i>Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau đây:</i> <i>1.1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</i> 1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; 1.3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm	Điều chỉnh theo quy định tại Điều 170 LDN, Điều 38 Điều lệ mẫu - Thông tư 95/2017/TT-BTC, trong đó, bãi bỏ các điều khoản trùng lặp, chưa rõ nghĩa so với quy định tại hai điều khoản nêu trên.

gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết; 1.4. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty; 1.5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn <u>bàn bạc</u>; 1.6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của <u>ban quản lý Công ty</u>; 1.7. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; 1.8. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của <u>ban quản lý</u>.	toán viên độc lập muốn <i>thảo luận</i>; 1.4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của <i>người quản lý Công ty</i>; 1.5. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; 1.6. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của <i>người quản lý</i>; 1.7. <i>Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác; sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</i> 1.8. <i>Trưởng hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</i> 1.9. <i>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;</i> 1.10. <i>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt</i>	
--	--	--

		<i>động giám sát của mình.</i>	
29.2.	<u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các bản sao nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</u>	Sửa đổi Khoản 2: <i>2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Các tài liệu và thông tin được quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật Doanh nghiệp phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</i> <i>Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý, người điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</i>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 171 LDN 2020.
29.3.	<u>4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác</u>	Điều chỉnh khoản 4: <i>4. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp.</i>	Điều chỉnh quy định về thù lao của BKS, theo quy định của LDN, ngoài thù lao, Kiểm soát viên có thể được nhận tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác, do đó, bổ sung quy định này để đảm bảo các quyền lợi của Kiểm soát viên.

	của Ban kiểm soát.		Hơn nữa, các khoản chi phí hợp lý mà Kiểm soát viên được thanh toán và các vấn đề liên quan đều đã được quy định đầy đủ tại Điều 172 LDN 2020. Do đó, đề xuất quy định dẫn chiếu đến Điều 172 LDN 2020.
30.	Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi		
30.1.	<i>Chưa có quy định</i>	<i>Bổ sung Khoản 1:</i> <i>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</i>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
30.2.	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:	<i>Điều chỉnh thành khoản 5 và bổ sung nội dung:</i> 5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá	Đoạn quy định chung của Khoản 4 đã liệt kê Kiểm soát viên, tuy nhiên, các điều khoản chi tiết không liệt kê có thể dẫn đến hiểu lầm khi áp dụng quy định. Hơn nữa, bổ sung đối tượng “Kiểm soát viên” là phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 167 LDN 2020.

	4.1. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý, người điều hành khác được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; 4.2. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	trong các trường hợp sau đây: 5.1. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Kiểm soát viên, người quản lý, người điều hành khác được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; 5.2. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Kiểm soát viên, người quản lý, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	
31.	Điều 37. Trách nhiệm về bồi thương thiệt hại		

31.1.	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là người quản lý, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách người quản lý, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, Kiểm soát viên, người quản lý, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	Tách Khoản 2 thành Khoản 2 và Khoản 3 và bổ sung nội dung: 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	Bổ sung các đối tượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác theo quy định tại Điều 41 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC.
31.2.	Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc	

	2.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; 2.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.	thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: 3.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; 3.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.	
32.	Điều 38. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ		
	3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <u>ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị</u>, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm	Bổ sung nội dung khoản 3: 3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo	Bổ sung hình thức văn bản “quyết định” của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 153 LDN 2020 và Điều 27 Dự thảo Điều lệ.

	soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	
33.	Điều 43. Chế độ kế toán		
	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	Điều chỉnh Khoản 2: 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.	Điều chỉnh cách diễn đạt.
34.	Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý		
	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền,	Sửa đổi Khoản 1: 1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 176 LDN 2020.

	<u>ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh.</u>		
35.	Điều 46. Kiểm toán		
35.1.	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi khoản 1: 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập để tiến hành <i>kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo</i> . Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	Theo quy định của Điều 138 LDN 2020 và Điều 13 Dự thảo Điều lệ, ĐHCĐ có thẩm quyền quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để tiến hành hoạt động kiểm toán, không ủy quyền cho HĐQT lựa chọn. Do đó, điều chỉnh quy định như phần dự thảo.
35.2.	2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Điều chỉnh cách diễn đạt.
35.3.	4. <u>Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty</u> được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận	4. <i>Đại diện công ty kiểm toán độc lập</i> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền	Điều chỉnh để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 14 Dự thảo Điều lệ.

Thuyết minh Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn sửa đổi, bổ sung

các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	
--	---	--

Trên đây là thuyết minh về các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn.

Ban Tổng giám đốc kính trình Hội đồng quản trị xem xét, chấp thuận đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2021

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Đỗ Thế Huấn